TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***
Số: **353**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ thụ lý số 353/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

Những người yêu cầu:

1. Anh Phan Văn T, sinh năm 1984; CCCD: 033084000093

2. Chị Trương Thị T1, sinh năm 1991; CCCD: 033191015675

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: C N, phường V, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T và chị Trương Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (nay là phường Y, tỉnh Hưng Yên) - Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, do không hợp nhau về tính cách, lối sống nên anh T, chị T1 cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh chị 02 có con chung là Phan Tố U, sinh ngày 21/12/2009 và Phan Gia L, sinh ngày 15/7/2014. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con chung. Cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Anh chị cùng trình bày không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị T1 tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận về con chung khi ly hôn của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Tố U và Phan Gia L.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn T và chị Trương Thị T1.

- *Về con chung:* Anh chị 02 có con chung là Phan Tố U, sinh ngày 21/12/2009 và Phan Gia L, sinh ngày 15/7/2014. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con chung. Cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nhà ở*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- *Về công nợ chung:* Anh chị cùng trình bày không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T1 tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0005838 ngày 12/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- VSKND khu vực 3 - Hà Nội;
- THADSTPHN;
- UBND phường Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hiển Vinh